

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CICOM QUỐC TẾ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CICOM QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CICOM INTERNATIONAL  
CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CICOM CONSTRUCTION.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108397061

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 48, Khu đất dịch vụ 06, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904869509

Fax:

Email: [info.cicom@gmail.com](mailto:info.cicom@gmail.com)

Website: [www.cicom.com.vn](http://www.cicom.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                       | 8299        |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                 | 2620        |
| 3.  | Xây dựng công trình công ích<br>- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;<br>- Xây dựng công trình viễn thông; | 4220(Chính) |
| 4.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                   | 2733        |
| 5.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                  | 2395        |
| 6.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                            | 2511        |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                        | 2640        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                  | 7410        |
| 9.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                         | 2740        |
| 10. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                | 3312        |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                         | 4312        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                     | 4321        |
| 13. | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>(Trừ thiết bị thu phát sóng);                                                                                           | 2630        |
| 14. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                    | 3313        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát địa hình;</li> <li>- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình</li> <li>- Thiết kế quy hoạch xây dựng</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình;</li> <li>Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước;</li> <li>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;</li> <li>- Tư vấn lập Quy hoạch xây dựng các loại công trình xây dựng</li> <li>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng</li> <li>- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình</li> <li>- Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ pháp thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và pháp thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;</li> <li>+ Thiết kế máy móc và thiết bị;</li> <li>+ Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.</li> <li>+ Hoạt động đo đạc và bản đồ</li> </ul> </li> </ul> | 7110 |
| 16. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9511 |
| 17. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2731 |
| 18. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2732 |
| 19. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị chống sét</li> <li>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường</li> <li>- Bán buôn camera giám sát, thiết bị chống trộm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4659 |
| 20. | <p>Hoạt động viễn thông khác</p> <p>Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6190 |
| 21. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6201 |
| 22. | <p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.</li> <li>- Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử (trừ hoạt động báo chí);</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6209 |
| 23. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2750 |
| 24. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311 |
| 25. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2394 |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đèn và bộ đèn, dụng cụ gia đình; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh, sản phẩm bằng gỗ, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện, thiết bị gia dụng; | 4759 |
| 28. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7020 |
| 29. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310 |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, Thiết bị sản xuất điện ảnh                                                                                                                                                                                                     | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ TUẤN ANH       | Tổ 11, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 485.000    | 4.850.000.000         | 48,500    | 013236029                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 485.000    | 4.850.000.000         | 48,500    |                                                                                             |         |
| 2   | PHÙNG THANH CUÔNG | CT 4C, Khu Đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 1,500     | 038084000454                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 1,500     |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN NGỌC DŨNG  | SN 14, ngõ 98/2, Phố Trung Liệt, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 500.000    | 5.000.000.000         | 50,000    | 013164212                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 500.000    | 5.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/10/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013164212

Ngày cấp: 23/05/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: SN 14, ngõ 98/2, Phố Trung Liệt, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 48, Khu đất dịch vụ 06, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội